TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2018/DS-ST
Ngày: 30/8/2018
" *V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Quang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Minh Chiến
2. Ông Hồ Xuân Dũng
- ***Thư ký phiên Tòa*:** Bà Nguyễn Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: ông Lưu Công Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 72/2018/TLST – DS ngày 12 tháng 6 năm 2018, về việc " Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-DS ngày 15/8/2018 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: Phạm Thị Mỹ T, sinh năm: 1968 (có mặt)
Địa chỉ: số nhà 16 đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.
**** Bị đơn***: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1979 (có mặt)
Địa chỉ: số nhà 166 đường T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.
**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:
1. Lê Văn H, sinh năm: 1974 (vắng mặt)
Địa chỉ: số nhà 166 đường T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.
2. Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1969 (vắng mặt)
(Ông H1 đã ủy quyền lại cho bà Phạm Thị Mỹ T theo giấy ủy quyền số 2306 ngày 09/7/2018)
Trú tại: số nhà 16 đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định
3. Nguyễn Thị Thùy V, sinh năm: 1985 (có mặt)
Trú tại: số nhà 229 đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ T trình bày:*** Do có mối quan hệ quen biết nhau nên bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Lê Văn H vay tiền về để làm ăn kinh tế gia đình, khi vay không có thế chấp tài sản, cụ thể các lần vay:

Ngày 14/10/2016 al bà C mượn 50.000.000đ

Ngày 18/10/2016 al bà C mượn 30.000.000đ

Ngày 10/11/2016 al bà C mượn 100.000.000đ.

Ngày 21/11/2016 al bà C mượn 10.000.000đ

Ngày 19/01/2017 al bà C mượn 120.000.000đ

Tổng cộng 310.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, bà C là người viết 1 giấy nợ cho 05 lần vay. Bà C là người trả tiền lãi mỗi tháng 2.700.000đ kể từ ngày vay cho đến tháng 3/2018 thì không trả lãi nữa, khi trả lãi hai bên không viết giấy tờ gì hết, bà không yêu cầu tính lại tiền lãi trong thời gian này nữa, bà chỉ yêu cầu tính lãi bắt đầu từ ngày 19/4/2018 al theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Lê Văn H phải trả cho bà số tiền vay gốc là 310.000.000đ và trả tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định tính từ ngày 19/4/2018al cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

**** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*** Thống nhất như bà T trình bày về mối quan hệ, thời gian vay, số tiền vay, mục đích vay tiền là vay giùm em gái tên Nguyễn Thị Thùy V về cho nó làm ăn, bà là người viết 1 giấy nợ cho 05 lần vay và cũng là người đi trả tiền gốc, lãi cho bà T cụ thể:

- Ngày 14/10/2016 al vay 50.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, đã trả tiền lãi đến 3/2018 al thì không trả nữa.

- Ngày 18/10/2016 al vay 30.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, đã trả lãi đến tháng 3/2018 al thì không trả lãi nữa.

- Ngày 10/11/2016 al vay 100.000.000đ, lãi suất 3,6%/tháng, trả lãi đến tháng 02/2017 al thì không trả lãi nữa.

- Ngày 21/11/2016al vay 10.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, đã trả lãi đến tháng 3/2018 al thì không trả lãi nữa.

- Ngày 19/01/2017 vay 120.000.000đ, lãi suất 3,6%/tháng, khoản vay này chưa trả lãi.

Tổng số nợ gốc 310.000.000đ, vào tháng 2/2018 al trả tiền gốc 5.000.000đ, tháng 3/2018 trả tiền gốc 3.000.000đ. Bà xác định đây là khoản nợ riêng của bà, bà sẽ có trách nhiệm trả cho bà T. Bà xin trả dần tiền gốc mỗi tháng trả 2.000.000đ cho đến khi trả hết nợ. Còn tiền lãi bà đồng ý trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nươc quy định tính từ ngày 19/4/2018 al cho đến khi giải quyết xong vụ án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy V trình bày***: Do thiếu vốn làm ăn nên chị có bàn với chồng đến nhà bà T vay tiền nhưng do chị nợ nhiều nên bà T không cho vay và nói bà C (chị ruột chị) lên vay thì bà mới đồng ý cho vay. Chị nhờ chị C đến nhà bà T vay số tiền 310.000.000đ, bà C là người viết giấy nợ cho bà T sau khi nhận tiền của bà T bà C đưa lại số tiền 310.000.000đ cho chị. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, chị là người đưa tiền cho bà C trả tiền lãi cho bà T mỗi tháng 2.700.000đ trả lãi đến tháng 3/2018al thì không trả lãi nữa. Vào tháng 2/2018 al chị đưa bà C 5.000.000đ để trả tiền gốc cho bà T, tháng 3/2018 chị đưa bà C 3.000.000đ để trả tiền gốc cho bà T. Nay chị có ý kiến chị sẽ đứng ra trả nợ cho bà T vì bà C là

người đi vay giùm cho chị, chị xin trả dần tiền gốc mỗi tháng trả 2.000.000đ cho đến khi hết nợ, còn tiền lãi chị chấp nhận trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tính từ tháng 4/2018al cho đến khi giải quyết xong vụ án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 trình bày***: thống nhất như lời trình bày của vợ ông bà Phạm Thị Mỹ T, ông xác đinh hiện vợ chồng Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị C còn nợ tiền vay gốc của vợ chồng ông là 310.000.000đ và tiền lãi. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông H, bà C có trách nhiệm trả số tiền vay gốc 310.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận khi vay là 3%/tháng tính từ khi chưa trả lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H trình bày:*** Ông là chồng của bà Nguyễn Thị C, ông hoàn toàn không biết việc vợ ông Nguyễn Thị C vay tiền của bà Phạm Thị Mỹ T, ông không có sử dụng số tiền trên để làm kinh tế gia đình. Ông không có trách nhiệm gì trong việc này nên không đồng ý cùng bà C trả số nợ trên.

Ý kiến kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của vụ án từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX buộc bà C có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 310.000.000đ và tiền lãi được tính từ 02/6/2018 cho đến ngày xét xử vụ án với lãi suất 1%/tháng theo sự thỏa thuận của các đương sự. Buộc bà C trả 1 lần tiền lãi và gốc khi bản án có hiệu lực thi hành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn H hợp lệ lần thứ 2 đến Tòa để tham gia tố tụng tại phiên tòa; Nhưng ông Lê Văn H vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào Điển b, Khoản 2 Điều 227 bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung: Hợp đồng vay tài sản là một giao dịch dân sự, được xác lập theo sự thỏa thuận giữa các bên được pháp luật thừa nhận quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà Phạm Thị Mỹ T là người cho bà Nguyễn Thị C vay tiền 05 lần với tổng số tiền vay là 310.000.000đ, bà C là người viết giấy nhận nợ và thừa nhận chứng cứ mà bà T đưa ra. Tại phiên tòa bà T và bà C thống nhất, thỏa thuận không yêu cầu tính lại tiền lãi đã trả, đồng thời xác định tiền nợ gốc bà C còn nợ bà T 310.000.000đ và tiền lãi được tính từ ngày 19/4/2018 al tức là ngày 02/6/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án theo lãi suất 1%/tháng là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị C cùng chồng ông Lê Văn H phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà số tiền nợ chưa trả 310.000.000đ và tiền lãi khi bản án có hiệu lực thi hành. Còn bà C xác định số tiền bà vay của bà T để đưa lại cho em ruột là Nguyễn Thị Thùy V làm ăn còn chồng bà là ông Lê Văn H không biết việc bà vay tiền của bà T đồng thời tiền lãi bà trả cho bà T là tiền của V đưa cho bà trả chứ ông H không biết, bà xác định nghĩa vụ trả nợ do một mình bà chịu trách nhiệm và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ. Ông Lê Văn H cho rằng vợ ông là bà C đã tự ý vay tiền của bà T để đưa cho em ruột là chị V mà anh không biết và cũng không có sử dụng tiền C vay để làm kinh tế trong gia đình, ông không chịu trách nhiệm trả tiền mà C vay của bà T. Riêng chị Nguyễn Thị Thùy V cho rằng bà C vay dùm rồi đưa tiền cho chị chứ bà C

không cho chị vay, bà C là người viết giấy nợ bà T, sau khi bà C nhận tiền vay đưa lại cho chị, chị là người đưa tiền để bà C trả tiền lãi hàng tháng cho bà T. Chị yêu cầu về khoản nợ 310.000.000đ mà bà C nợ bà T chị xác định trách nhiệm trả nợ thuộc về chị và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ và đồng ý trả tiền lãi như thỏa thuận của bà C và bà T.

[4] Xét về nghĩa vụ trả nợ của bên vay Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong suốt thời gian khi đôi bên xác lập quan hệ vay tiền từ lần đầu thể hiện trong giấy nợ ngày 14/10/2016 cho đến khi xảy ra tranh chấp chỉ có một mình bà C đứng ra giao dịch và trả tiền lãi, còn ông H không tham gia, không sử dụng số tiền vay và không biết nên nghĩa vụ trả nợ ông H không chịu trách nhiệm trong hợp đồng vay mà bà C xác lập. Riêng chị V cho rằng bà C xác lập vay tiền với bà T là do chị đã nhờ bà C giao dịch lấy tiền bà T đưa lại cho chị, chị đã đưa tiền bà C trả tiền lãi, chị chịu trách nhiệm trả khoản nợ vay và tiền lãi mà bà C đã nợ bà T. Bà T không đồng ý chị V trả nợ thay cho bà C. Về chuyển giao nghĩa vụ trả nợ giữa bà C và chị V không được bà T là người có quyền đồng ý , nên không thể chuyển giao nghĩa vụ trả nợ theo Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy nghĩa vụ trả nợ gốc 310.000.000đ và tiền lãi cho bà T thuộc trách nhiệm của bà C. Riêng việc xác lập giao dịch vay tiền giữa bà C và chị V sẽ được giải quyết vằng vụ án khác nếu đôi bên có yêu cầu giải quyết tranh chấp.

[5] Xét về phương thức trả nợ vay và lãi suất vay: Tại phiên tòa bà T yêu cầu bà C trả đủ một lần cho vợ chồng bà khi bản án có hiệu lực thi hành với số tiền vay gốc 310.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 02/6/2018 cho đến ngày giải quyết vụ án (từ ngày 02/6/2018 đến ngày 30/8/2018 là 89 ngày) theo lãi suất1%/tháng. Còn bà C đồng ý trả cho bà T tiền vay gốc 310.000.000đ và tiền lãi theo yêu cầu của bà T là 1%/tháng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ. Bà T không đồng ý yêu cầu xin trả dần của bà C; yêu cầu của bà T phù hợp với quy đinh tại Điều 280 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; nên buộc bà C trả tiền vay gốc và lãi cho vợ chồng bà T với số tiền vay gốc 310.000.000đ; tiền lãi được tính 310.000.000đ x 1%/tháng x 89 ngày/30 = 9.196.666đ. Tổng tiền gốc và tiền lãi là 319.196.666 đ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu 15.959.833đ (319196.666đ x 5% = 15.959.833đ). Bà Phạm Thị Mỹ T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.242.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008718 ngày 12/6/2018 của Chị cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 186, Điều 220, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Xác định bà Nguyễn Thị C còn nợ vợ chồng bà Phạm Thị Mỹ T, ông Nguyễn Văn H1 số tiền 319.196.666đ (ba trăm mười chín triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn,

sáu trăm sáu mươi sáu đồng) (310.000.000đ tiền nợ gốc, 9.196.666đ tiền lãi) phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Phạm Thị Mỹ T, ông Nguyễn Văn H1 số tiền 319.196.666đ (ba trăm mười chín triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) khi bản án có hiệu lực thi hành.

Bác yêu cầu của bà Phạm Thị Mỹ T về yêu cầu ông Lê Văn H cùng có nghĩa vụ trả nợ với bà C.

Bác yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy V xin được chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ bà C qua chị.

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị C xin trả mỗi tháng 2.000.000đ cho bà T cho đến khi hết nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu 15.959.833 đ (mười lăm triệu, chín trăm năm mươi chín nghìntám trăm ba mươi ba đồng). Bà Phạm Thị Mỹ T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.242.000đ (mười triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008718 ngày 12/6/2018 của Chị cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định;*
- *VKSND TX. An Nhơn;*
- *Chi cục THA TX. An Nhơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Quang